

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2025/HS-PT**
Ngày: 26/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo **Trần Phương N** cùng các bị cáo khác về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Phương N**, tên gọi khác: không; sinh ngày 25 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: **số D, đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D, đường số A, Khu dân cư C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh)**; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH P8** (sau đây gọi tắt là **Công ty P8**); trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông **Trần M** và bà **Lê Thị H**; có vợ là **Lê Thị Hồng G** và hai con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/8/2024, tạm giam từ ngày 29/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an thành phố Đ**; có mặt.

2. **Trần Lê T**, tên gọi khác: không; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: **ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; nơi ở hiện tại: **số A, đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A, đường Q, phường G,**

Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nhân viên Công ty P8; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Trần M và bà Lê Thị H; có vợ là Phạm Thị H1 và hai con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/8/2024, tạm giam từ ngày 29/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ; có mặt.

3. Lâm Thái T1, tên gọi khác: không; sinh ngày 16 tháng 10 năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số G, đường T, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số G, đường T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nhân viên Công ty P8; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; giới tính: nam; tiền án, tiền sự: không; con ông Lâm Kiến N1 và bà Hồ Mỹ P; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H2 và một con;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/8/2024, tạm giam từ ngày 29/8/2024 đến ngày 02/4/2025, hiện đang tại ngoại; có mặt.

4. Trần Văn C, tên gọi khác: không; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1990 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn H, xã Đ, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: Cộng tác viên Công ty P8; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Huỳnh Thị Thủy T2 và hai con;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/8/2024, tạm giam từ ngày 28/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ; có mặt.

5. Phan Thị Như T3, tên gọi khác: không; sinh ngày 14 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: số I, đường L, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là số I, đường L, phường A, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Trưởng phòng phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng Công ty P8; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Phan Kim Đ và bà Bùi Thị T4; có chồng là Bùi Vinh P1 và hai con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Phạm Minh T5, tên gọi khác: không; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1994 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Trưởng phòng phòng Kinh doanh Công ty P8; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Phạm Văn C1 và bà Lê Thị T6, có vợ là Phạm Thị Thanh D và hai con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Nguyễn Thị M7, tên gọi khác: không; sinh ngày 09 tháng 4 năm 1997 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn H, xã Đ, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12;

quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông **Nguyễn Văn H4** và bà **Châu Thị B**; có chồng là **Phạm Quốc P2** (đã ly hôn) và một con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/8/2024 đến ngày 28/8/2024; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. **Nguyễn Thị Thùy T7**, tên gọi khác: không; sinh ngày 22 tháng 10 năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **buôn K, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn K, xã Y, tỉnh Đắk Lắk)**; nghề nghiệp: nhân viên **Công ty P8**; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông **Nguyễn Hồng C2** và bà **Trần Thị D1**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. **Nguyễn Viết H5**, tên gọi khác: không; sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003 tại thành phố H; nơi cư trú: **số A, đường L, phường V, quận T, thành phố H (nay là số A, đường L, phường V, thành phố H)**; nghề nghiệp: nhân viên **Công ty P8**; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông **Nguyễn Viết T8** và bà **Nguyễn Thị H6**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

10. **Trần Ngọc Quỳnh N2**, tên gọi khác: không; sinh ngày 30 tháng 10 năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: **số B, đường M, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số B, đường M, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; nghề nghiệp: nhân viên **Công ty P8**; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: nữ; con ông **Trần V** và bà **Nguyễn Thị Trúc H7**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

11. **Phạm Thị Mỹ U**, tên gọi khác: không; sinh ngày 17 tháng 11 năm 2001 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: **thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai)**; nghề nghiệp: nhân viên **Công ty P8**; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông **Phạm Tấn T9** và bà **Trần Thị Minh X**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Trần Lê T**: ông **Trần M**, sinh năm 1955 (là cha đẻ của bị cáo); địa chỉ: **ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã X, tỉnh Đồng Nai)**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho các bị cáo **Trần Phương N, Trần Lê T**: ông **Trần Tuấn L1**, Luật sư của **Công ty L7** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; có mặt.

2. Người bào chữa cho các bị cáo **Lâm Thái T1**, **Trần Văn C**, **Nguyễn Thị M7**: ông **Phan Bá H8**, Luật sư thuộc **Văn phòng L8**, **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; có mặt.

3. Người bào chữa cho các bị cáo **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5**: ông **Phạm Xuân T10**, Luật sư thuộc **Công ty L9**, **Đoàn Luật sư tỉnh Q** (nay là **Đoàn Luật sư thành phố Đ**); có mặt.

4. Người bào chữa cho các bị cáo **Phạm Thị Mỹ U**, **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Trần Ngọc Quỳnh N2**: bà **Mai Thị Ngọc H9**, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư **Lê Văn A**, **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; có mặt.

5. Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Viết H5**: ông **Phan Quốc T11** và bà **Đặng Thị Ngọc H10**, Luật sư thuộc **Công ty L10** và Cộng sự, **Đoàn Luật sư thành phố H**; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/6/2024, **Công an Cửa khẩu Cảng Hàng không Quốc tế Đ** nhận được trình báo của anh **Nguyễn Lê Đức H11** (sinh năm 1998, Hà Tĩnh) về việc bị tổ chức đưa sang Philippines lao động bất hợp pháp dưới hình thức du lịch; nhận thấy vụ việc có dấu hiệu phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nên đã chuyển thông tin về tội phạm cho Cơ quan An ninh điều tra **Công an thành phố Đ** để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Trước đó, anh **H11** có nhu cầu tìm việc làm tại Philipines trên Facebook và liên hệ tài khoản “**Nguyễn Đức L2**”. Sau khi chuyển 6.000.000 đồng tiền cọc, anh **H11** được giới thiệu đến phòng vé máy bay **P**, nơi hướng dẫn các thủ tục đối phó hải quan và đặt vé “đối phó”, “khách sạn ảo” để nhập cảnh Philippines. **H11** được **Trần Văn C** và các nhân viên phòng vé **Phương N** yêu cầu cung cấp hình ảnh hộ chiếu để đặt vé và được hướng dẫn, giải thích các cách thức đối phó với nhân viên hải quan và giúp chuẩn bị thủ tục giấy tờ để đối phó (đặt vé máy bay khứ hồi trong đó hủy vé chiều về sau khi khách nhập cảnh gọi là “vé đối phó”, đặt khách sạn lưu trú tại Philippines sau đó hủy sau khi khách nhập cảnh gọi là “khách sạn ảo”), cách sử dụng đăng ký sim điện thoại để liên lạc khi nhập cảnh vào Philippines... để có thể xuất cảnh ở Việt Nam và nhập cảnh bất hợp pháp vào Philippines để lao động trái phép.

Ngày 09/5/2024, anh **H11** cùng 06 người khác xuất cảnh từ **sân bay Đ đến M (Philippines)**. **Sang P3**, **H11** bị đưa vào một công ty do người Trung Quốc điều hành, làm công việc lừa đảo người Việt. Không chịu được áp lực, **H11** đã nhắn về cho gia

định để chuyển cho phía công ty số tiền 31.200.000 đồng vào tài khoản số 1028157384 mở tại **ngân hàng V6** mang tên **Nguyễn Đức L2** để tự chuộc bản thân, sau đó **H11** được phía công ty trả hộ chiếu và nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 04/6/2024.

Mở rộng điều tra, Cơ quan An ninh điều tra **Công an thành phố Đ** xác định:

Công ty TNHH P8 (có mã số doanh nghiệp: 0315665985, địa chỉ trụ sở: **số D, Đường số A, khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**) do **Trần Phương N** làm Giám đốc, được thành lập vào cuối năm 2019. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 nên Phòng vé chỉ thực sự hoạt động từ đầu năm 2022 đến nay. Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, **Trần Phương N** liên kết với hãng **Cebu A1** và quảng cáo các chuyến bay đi Philippines trên các nền tảng mạng xã hội như website, Facebook, **Z, T12...**

Theo lời khai của **Trần Phương N**: Khoảng tháng 12/2023, một số người sử dụng tài khoản Telegram tên “Trùm cuối Manila”, “Luxy” (chưa rõ nhân thân lai lịch) chủ động nhắn tin qua Telegram của **N** để đặt vấn đề về việc đưa một số người Việt Nam có nhu cầu sang Philippines làm việc nhưng đi bằng đường du lịch (tức là khách không có visa) xuất cảnh tại **sân bay Đ**. Những người này nói quen biết lực lượng bảo quan tại Philippines nên việc nhập cảnh sẽ dễ dàng. Ngoài ra họ cũng nói ở Đà Nẵng vừa mở đường bay thẳng sang Philippines để phát triển du lịch nên cơ quan chức năng cũng sẽ làm dễ. Do mong muốn bán được nhiều vé để tăng doanh số cho phòng vé nên **Trần Phương N** đã đồng ý.

Theo quy định của các chuyến bay du lịch được miễn thị thực tại các nước **Đ**, khách hàng cần phải xuất trình hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 06 tháng, vé máy bay khứ hồi và mã đặt phòng của khách sạn nơi sẽ lưu trú. Tuy nhiên, đối với các khách có nhu cầu trốn ở lại để lao động sau khi nhập cảnh, họ sẽ không sử dụng vé chiều về. Vì vậy, phòng vé **Phương N** vẫn đặt cho khách vé khứ hồi để đối phó với lực lượng hải quan nhưng vé chiều về phòng vé sẽ hủy sau khi khách hạ cánh tại Philippines và vé này gọi là “vé đối phó” - ký hiệu “VDP”. Để tăng tính cạnh tranh với các phòng vé khác, phòng vé **Phương N** chỉ tính tiền vé đi đối với khách, còn vé đối phó sẽ không tính tiền. **Trần Phương N** chia phòng vé thành 04 phòng gồm:

- Phòng Tư vấn Chăm sóc khách hàng,
- Phòng Kinh doanh,
- Phòng Marketing,
- Phòng Hành chính - Kế toán.

Đồng thời **N** đã xây dựng quy trình tư vấn vé, xuất vé, thanh toán gồm 08 bước áp dụng đối với các khách có nhu cầu sang Philippines lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch tại phòng vé như sau:

Bước 1: Xác định mục đích xuất cảnh của khách: có visa 9G, đi du lịch hay trốn ở lại lao động. Trong đó đặt câu hỏi: “Dạ anh/chị có visa 9G chưa ạ?”. Nếu có thì tư vấn vé 01 chiều. Nếu chưa thì hỏi: “Dạ mình sang làm dưới dạng du lịch đúng không ạ”

Bước 2: Gửi quy định nhập cảnh Philippines hiện tại. Nội dung như sau:

“Anh/chị lưu ý quy định về nhập cảnh Philippines hiện tại trước khi đặt vé nhé.

- Không cần visa, chỉ cần passport còn hạn trên 6 tháng.
- Vé máy bay khứ hồi trong 30 ngày (đối với dạng du lịch).
- Khai báo y tế Philippines: Etravel CARD.

Ngoài ra nên bảo quan để việc nhập cảnh được thuận lợi.

Lưu ý: Các trường hợp phẫu thuật thẩm mỹ mặt mà chưa làm lại hộ chiếu thì nên làm lại hộ chiếu, vì có nhiều trường hợp bị từ chối bay vì phẫu thuật thẩm mỹ.”

Bước 3: Hỏi thời gian khách xuất phát. Trên cơ sở đó xác định địa điểm bay. Nếu khách có visa 9G hoặc đi du lịch thì chọn một trong 03 sân bay (Hà Nội, Đà Nẵng hoặc Thành phố Hồ Chí Minh) sao cho thuận tiện cho khách hàng nhất về mặt khoảng cách địa lý hoặc thời gian xuất phát chuyến bay phù hợp với nhu cầu của khách. Nếu khách trốn ở lại thì chỉ xuất phát tại Đà Nẵng (đây là yêu cầu của nhóm “bảo quan” bên P3 vì họ nói Đà N3 vừa mở chuyến bay thẳng nên công an cửa khẩu kiểm tra dễ và đã thống nhất với N về chủ trương này).

Bước 4: Tư vấn vé chuyên sâu. Trong đó cung cấp các thông tin về chuyến bay như số hiệu chuyến bay, thời gian cất/hạ cánh, ga khởi hành, giá vé hiện tại; Tư vấn về việc mua thêm hành lý nếu khách cần; Tư vấn nội dung sau: “Ngày bay sẽ có nhân viên bên em in sẵn vé, booking khách sạn ảo, tặng sim card P3 và hướng dẫn thủ tục tại sân bay”.

Bước 5: Chốt vé.

- Nếu khách đồng ý và chọn tuyến bay thì yêu cầu gửi hình ảnh hộ chiếu hoặc cung cấp họ tên, ngày tháng năm sinh, E, số điện thoại Việt Nam, số ký hành lý ký gửi (nếu có). Sau đó lên thông tin đơn hàng để “nhóm booker” làm căn cứ để xuất vé. Đồng thời phải chú thích trên đơn hàng như sau:

- + Đối với khách đi du lịch thật thì xuất vé 02 chiều.
- + Đối với khách có visa 9G thì xuất 01 vé chiều đi.
- + Đối với khách trốn lao động thì xuất vé đi và vé đôi phó (vé được xuất thật, tự động hủy sau khi hạ cánh 02 tiếng, không về thực được).
- Nếu khách 10 phút không trả lời hoặc báo sẽ đặt sau thì nhắn khách nội dung: “Dạ giá em báo là giá hiện tại. Vì giá vé không cố định nên lúc nào đặt, phiền anh chị báo em check lại giá vé nhé ạ”.

Bước 6: Xuất vé. Yêu cầu khách chuyển tiền vé nếu đồng ý bằng cách gửi các số tài khoản ngân hàng của phòng vé **Phương N**. Sau khi khách gửi hình ảnh xác nhận việc chuyển tiền thì báo “nhóm booker” xuất vé và gửi thông tin vé cho khách trong vòng 60 phút qua email.

Bước 7: Gửi cho khách các điều kiện về việc đổi vé, hủy vé.

Bước 8: Nhắc nhở lần cuối.

- Đối với khách đi lao động trái phép hoặc vé du lịch thật thì nhắn nội dung: “Cảm ơn anh/chị đã đặt và sử dụng dịch vụ của **Phương N**. Anh/chị vui lòng có mặt ở sân bay trước giờ bay 03 tiếng để làm thủ tục, mang theo hộ chiếu gốc còn hạn trên 06 tháng.

Trước bay 1 ngày, bên em sẽ gửi nhóm hướng dẫn thủ tục bay và làm mã eTravel. Vào ngày bay, anh/chị chỉ cần mang hộ chiếu và hành lý ra sân bay, bên em sẽ in vé + booking khách sạn ảo cũng như có nhân viên hướng dẫn ở sân bay nhé ạ.

Nếu cần hỗ trợ thêm, anh/chị cứ để lại câu hỏi, chúng em sẽ trả lời sớm nhất có thể. Hotline phòng vé 02862795795 (7h30 – 21h30).

Nhân viên hỗ trợ tại sân bay: Mr Cường 0939565855.

Trân trọng cảm ơn!”

- Đối với khách có visa 9G thì nhắn nội dung sau: “Cảm ơn anh/chị đã đặt và sử dụng dịch vụ của **Phương N**. Anh/chị vui lòng có mặt ở sân bay trước giờ bay 03 tiếng để làm thủ tục, mang theo hộ chiếu gốc còn hạn trên 06 tháng và thẻ 9G nhé.

Trước khi bay sang Manila 1 ngày, anh/chị chủ động gửi em ảnh hộ chiếu em sẽ làm mã E-Travel nhập cảnh Philippines nhé.

Nếu cần hỗ trợ thêm, anh/chị cứ để lại câu hỏi, chúng em sẽ trả lời sớm nhất có thể. Hotline phòng vé 02862795795 (7h30 – 21h30)

Nhân viên hỗ trợ tại sân bay: Mr Cường 0939565855

Trân trọng cảm ơn!”

Trần Phương N đã thông báo chủ trương về việc bán vé máy bay cho người Việt Nam có nhu cầu lao động sang Philippines bằng hình thức du lịch sau đó trốn ở lại để lao động trái phép cho các nhân viên đã làm việc lâu năm, có nhiều kinh nghiệm tại phòng vé và áp dụng quy trình tư vấn vé, xuất vé, thanh toán gồm 08 bước áp dụng đối với các khách có nhu cầu sang Philippines lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch như đã nêu trên cho các nhân viên gồm:

- **Phan Thị Như T3**, Trưởng phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Nguyễn Thị Thùy T7**, Phó Trưởng phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Nguyễn Thị Kim N4**, Phó Trưởng phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;

- **Trương Thị Út T13**, Nhân viên phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Phạm Thị Mỹ U**, Nhân viên phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Võ Thị Trương B1**, Nhân viên phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Trần Ngọc Quỳnh N2**, Nhân viên phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Nguyễn Viết H5**, Nhân viên phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng;
- **Phạm Minh T5**, Trưởng phòng Kinh doanh;
- **Trần Lê T**, Nhân viên Phòng Kinh doanh;
- **Lâm Thái T1**, Nhân viên phòng Kinh doanh;
- **Trần Văn C**, cộng tác viên của công ty phụ trách đưa đón khách tại **Sân bay**

D.

Trần Phương N chỉ đạo nhóm nhân viên tư vấn cộng thêm 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng/01 khách đối với các trường hợp tư vấn “vé đổi phỏ”. Sau khi áp dụng quy trình tư vấn vé gồm 08 bước, các nhân viên Phòng Tư vấn, chăm sóc khách hàng chốt vé thì sẽ gửi thông tin vé gồm thông tin khách hàng (họ tên, ngày tháng năm sinh, email, số điện thoại), số hiệu chuyến bay, ngày, giờ chuyến bay, giá vé, chú thích có xuất “vé đổi phỏ” hay không lên nhóm Zalo “Báo đơn - PN”, sau đó **Phan Thị Như T3** sẽ kiểm tra lại thông tin đơn. Nếu đúng thì các nhân viên phòng kinh doanh (gọi là booker) sẽ xuất vé theo thông tin trên đơn. Riêng đối với “vé đổi phỏ” thì **N** chỉ giao riêng cho **Trần Lê Tạo X1** và hủy vé. Đối với việc đặt phòng khách sạn tại Philippines, **N** giao cho **Lâm Thái T1** thực hiện.

Sau khi đã có lịch trình bay, **Trần Phương N** giao cho **Trần Văn C** có nhiệm vụ hướng dẫn khách làm thủ tục tại sân bay, hướng dẫn khách cách trả lời đề đổi phỏ với cơ quan hải quan. Ngoài ra **Trần Văn C** còn hỗ trợ khách kích hoạt sim 4G sử dụng tại **P**, đổi tiền peso cho khách. Đến tháng 6/2024, **C** vào Đồng Nai hỗ trợ xây nhà cho **Trần Phương N** nên nhờ Nguyễn Thị Minh thay **C** hỗ trợ khách trong việc hướng dẫn thủ tục và đưa khách ra sân bay để xuất cảnh đi Philippines lao động trái phép. Mỗi chuyến đưa tiễn khách, **C** và **M7** được **Trần Phương N** trả 200.000 đồng.

Sau khi khách hạ cánh tại Philippines thì việc đưa đón, bố trí việc làm cho khách tại Philippines thì Phòng vé Phương Nam không phụ trách mà do “Trùm cuối **M1**”, “Luxy” thực hiện.

Quá trình điều tra xác định, từ tháng 01/2024 đến ngày 19/8/2024, **Phòng V7** đã bán vé máy bay, tư vấn, tổ chức cho 58 (năm mươi tám) công dân Việt Nam xuất cảnh sang Philippines để lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch. Tuy nhiên, có 02 (hai) khách là **Lê Trọng H12** và **Phạm P4** chỉ có thông tin đặt vé gồm họ tên và ngày tháng năm sinh nên **Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Đ** không tra cứu được thông tin cấp hộ chiếu và thông tin xuất nhập cảnh (theo nội dung Công văn số 1976/P.XNC-Đ1 ngày 14/10/2024 của **Phòng Quản lý Xuất nhập**

cảnh Công an thành phố Đ). Do đó chưa xác định được 02 khách này đã xuất cảnh hay chưa. Vì vậy, chỉ có căn cứ xác định **Trần Phương N** cùng đồng phạm đã tổ chức cho 56 (năm mươi sáu) công dân Việt Nam chia làm 24 (hai mươi tư) chuyến xuất cảnh sang Philippines để lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch.

* Quá trình điều tra xác định vai trò của từng nhân viên tại phòng vé như sau:

A. Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng

Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng gồm các nhân viên: **Phan Thị Như T3**, **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Nguyễn Thị Kim N4**, **Trương Thị Út T13**, **Phạm Thị Mỹ U**, **Nguyễn Đặng Trà M2**, **Võ Thị Trương B1**, **Nguyễn Thị Huỳnh G1**, **Phan Ngọc Trâm A2**, **Trần Ngọc Quỳnh N2**, **Bùi Lê Nguyễn M3**, **Nguyễn Thị Mỹ U1**, **Huỳnh Ngọc T14**, **Lê Thị Phương Y**, **Đặng Thúy V1**, **Nguyễn Việt H5**. Nhiệm vụ của phòng này là tư vấn cho khách các thông tin về chuyến bay, giờ bay, chặng bay, giá vé, thông tin hành lý ký gửi... để khách hàng có thể chọn một chuyến bay phù hợp với nhu cầu của mình. Vai trò của từng nhân viên cụ thể như sau:

1. **Phan Thị Như T3** làm việc tại **Công ty P8** từ tháng 04/2022 đến tháng 08/2024 với vai trò quản lý đối với các nhân viên tư vấn chăm sóc khách hàng (đến tháng 7/2024 thì được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phòng tư vấn chăm sóc khách hàng). Công việc của **T3** là quản lý quá trình làm việc của các nhân viên của Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Mặc dù **T3** không trực tiếp tư vấn vé cho khách, nhưng tất cả các đơn hàng tư vấn cho khách thì các nhân viên trong tổ đều gửi về cho **T3** để kiểm tra trước khi xuất, trường hợp sai sẽ được **T3** hướng dẫn, trong đó có 56 đơn hàng bán cho khách có nhu cầu trốn ở lại động có chú thích xuất “vé đổi phỏ” từ tháng 01/2024 đến tháng 08/2024.

2. **Nguyễn Thị Kim N4** làm việc tại Công ty từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 (tháng 7/2024 được bổ nhiệm làm Phó Trưởng phòng Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng). Công việc của **N4** là trực tiếp tư vấn vé cho các khách và khách có nhu cầu xuất cảnh sang **P**. Quá trình làm việc tại công ty, bản thân **N4** mặc dù biết rõ chủ trương của **Trần Phương N** về việc tổ chức cho người khác trốn đi Philippines bằng thủ đoạn xuất “vé đổi phỏ”. Tuy nhiên, xuất phát từ động cơ vụ lợi (lợi nhuận kinh doanh của công ty), **N4** vẫn tiếp nhận và thực hiện chủ trương nói trên. Bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đổi phỏ, **N4** đã trực tiếp tư vấn cho 01 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch là **Bùi Thị L3** (sinh năm 1996, HKTT: **xã N, huyện M, tỉnh Hòa Bình**; xuất cảnh đi Philippines ngày 15/8/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 25/8/2024).

3. **Nguyễn Thị Thùy T7** làm việc tại Công ty từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 (tháng 7/2024 được bổ nhiệm làm Phó Trưởng phòng Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng). Công việc của **T7** là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang **P**. Bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đổi phỏ, **T7** đã trực tiếp tư vấn cho 10 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch:

- **Hoàng Sỹ H13** (sinh năm 2000, HKTT: xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) - xuất cảnh đi Philippines ngày 23/01/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

- **Nguyễn Văn H14** (sinh năm 1997, HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) - xuất cảnh đi Philippines ngày 25/1/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 04/6/2024.

- **Trần Thị Yên L4** (sinh năm 1993, HKTT: thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định) - xuất cảnh đi Philippines ngày 22/2/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 24/7/2024.

- **Nguyễn Thanh T15** (sinh năm 1998, HKTT: xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An) - xuất cảnh đi Philippines ngày 06/4/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 22/8/2024.

- **Nguyễn Thị Ngọc T16** (sinh năm 1990, HKTT: xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang) - xuất cảnh đi Philippines ngày 06/4/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 10/11/2024.

- **Phạm Trung Đ1** (sinh năm 2000, HKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) - xuất cảnh đi Philippines ngày 06/4/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 26/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Vương Quốc T17** (sinh năm 1996, HKTT: thị trấn N, huyện V, Lạng Sơn) - xuất cảnh đi Philippines ngày 06/4/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 02/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Nguyễn Năng H15** (sinh năm 1997, HKTT: thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 06/4/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 02/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Phạm Thị Như N5** (sinh năm 2000, HKTT: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) - xuất cảnh đi Philippines ngày 09/5/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 08/11/2024.

- **Phạm Đắc Q** (sinh năm 1992, HKTT: phường T, quận T, TP Đà Nẵng) - xuất cảnh đi Philippines ngày 04/8/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 30/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

4. **Trương Thị Út T13** làm việc tại Công ty từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của T13 là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang P, T13 đã trực tiếp tư vấn cho 03 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch:

- **Trần Thị M4** (sinh năm 1999, HKTT: T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 16/3/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 20/9/2024.

- **Hoàng Thị Đ2** (sinh năm 1999, HKTT: xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) - xuất cảnh đi Philippines ngày 16/3/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 28/9/2024.

- **Nguyễn Ngọc T18** (sinh năm 1998, HKTT: xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 04/8/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

5. **Phạm Thị Mỹ U** làm việc tại Công ty từ tháng 04/2023 đến tháng 8/2024 với vai trò nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của U là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang P. Bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đối phó, U đã trực tiếp tư vấn cho 05 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch:

- **Nguyễn Thị Khánh H16** (sinh năm 1997, HKTT: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình) - xuất cảnh đi Philippines ngày 25/5/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 23/7/2024.

- **Nguyễn Khắc D2** (sinh năm 1999, HKTT: thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 21/3/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 20/10/2024.

- **Lê Thị Á** (sinh năm 2000, HKTT: xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 16/5/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 08/9/2024.

- **Lê Đức T19** (sinh năm 1996, HKTT: xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) - xuất cảnh đi Philippines ngày 16/5/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 08/9/2024.

- **Đặng Thị G2** (sinh năm 1963, HKTT: thị trấn L, huyện Đ, Phú Yên) - xuất cảnh đi Philippines ngày 03/9/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 06/12/2024.

6. **Nguyễn Viêt H5**: là sinh viên trường Đại học Hutech Thành phố H, vừa học vừa làm việc tại Công ty với hình thức bán thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 8/2024 với vai trò nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của H5 là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang P. Bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đối phó, H5 đã trực tiếp tư vấn cho 10 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch gồm:

- **Hoàng Thanh N6** (sinh năm 2000, HKTT: xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Đỗ Thế A3** (sinh năm 1998, HKTT: phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại sân bay Quốc tế Đ, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024.

- **Lưu Ngọc T20** (sinh năm 1999, HKTT: **thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024.

- **Hoàng Minh K** (sinh năm 2003, HKTT: **phường Đ, TP H, tỉnh Quảng Ninh**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 06/8/2024.

- **Nguyễn Trung K1** (sinh năm 1996, HKTT: **thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024.

- **Tô Quang Đ3** (sinh năm 2000, HKTT: **xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 26/3/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024.

- **Hà Thị T21** (sinh năm 2002, HKTT: **tỉnh Nghệ An**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 09/5/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 11/10/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Trần Tiên D3** (sinh năm 1999, HKTT: **Hà Tĩnh**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 09/5/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 25/9/2024.

Đối với 02 khách tên **Lê Trọng H12** và **Phạm P4**, **Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Đ** không xác định được thông tin cấp hộ chiếu của đương sự nên không tra cứu được thông tin xuất nhập cảnh vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định 02 khách này đã trốn hay chưa nên chỉ đủ căn cứ xác định trách nhiệm 08 khách đối với **H5**.

7. **Võ Thị Trương B1** làm việc tại Công ty từ tháng 07/2023 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của **B1** là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang **P**. Bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đôi phó, **B1** đã trực tiếp tư vấn cho 04 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch gồm:

- **Đinh Nguyễn Thúy V2** (sinh năm 2001, HKTT: **phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 04/1/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 10/02/2025 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Phạm Thị Kiều D4** (sinh năm 2003, HKTT: **xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 04/1/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 16/5/2024.

- **Phan Đình H17** (sinh năm 2005, HKTT: **xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 02/7/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 27/7/2024.

- **Vũ Đức Đ4** (sinh năm 2001, HKTT: **thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 02/7/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 27/7/2024.

8. **Trần Ngọc Quỳnh N2** làm việc tại Công ty từ tháng 11/2023 đến tháng 07/2024 với vai trò nhân viên Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của **N2** là trực tiếp tư vấn vé cho khách có nhu cầu xuất cảnh sang **P**, bằng thủ đoạn tư vấn xuất vé đối phó, Như đã trực tiếp tư vấn cho 07 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch gồm:

- **Nguyễn Thái H18** (sinh năm 2000, HKTT: **phường H, quận C, TP Đà Nẵng**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 07/3/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 08/8/2024.

- **Nguyễn Thị Hồng H19** (sinh năm 2000, HKTT: **phường H, quận C, TP Đà Nẵng**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 09/5/2024 tại **Sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 08/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Nguyễn Minh T22** (sinh năm 1990, HKTT: **số F, đường H, quận S, TP Đà Nẵng**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 09/5/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 20/11/2024 (hiện không có mặt ở Việt Nam).

- **Hoàng Thị P5** (sinh năm 2003, HKTT: **xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 30/5/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

- **Phạm Thị Phương A4** (sinh năm 2001, HKTT: **số C H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 04/6/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 20/8/2024.

- **Hoàng Thị D5** (sinh năm 2004, HKTT: **xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 20/6/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 22/6/2024.

- **Hứa Thị D6** (Sinh năm 2004, HKTT: **xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn**) - xuất cảnh đi Philippines ngày 20/6/2024 tại **sân bay Quốc tế Đ**, nhập cảnh trở lại ngày 22/6/2024.

9. **Phan Ngọc Trâm A2** (sinh ngày 29/01/1998, HKTT: **453/55 L, Phường A, Quận C, TP Hồ Chí Minh**) làm việc tại **Công ty P8** từ tháng 02/2024 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên Phòng Tư vấn Chăm sóc khách hàng. Công việc của **Trâm A2** là trực tiếp tư vấn vé cho khách. Từ thời điểm **Trâm A2** bắt đầu làm việc đến khi nghỉ việc, không tư vấn các trường hợp xuất “vé đối phó”. Khi **Trâm A2** bắt đầu làm việc, **Trần Phương N** đổi tên tài khoản zalo của một nhân viên khác đã nghỉ việc trước đó (hiện không nhớ rõ là ai) thành tài khoản “Trâm Anh” để giao cho sử dụng vì vậy những tin nhắn của tài khoản nhân viên cũ hiện nay đều hiện thông tin hiển thị của tài khoản “Trâm Anh”. Vì vậy qua trích xuất dữ liệu, tài khoản zalo

“Trâm Anh” hiển thị việc tư vấn cho 02 khách xuất “vé đối phó” là [Trần Thị Phương T23](#) và [Lương Đức Ngọc T24](#). Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của đương sự, tin nhắn trong nhóm zalo và bảng lương công ty có căn cứ xác định [Trâm A2](#) không tư vấn cho 02 khách nói trên.

10. [Đặng Thúy V1](#) (sinh ngày 26/06/2001, HKTT: [Ấp C, T, V, Vĩnh Long](#)) làm việc tại Công ty từ tháng 05/2024 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của [Thúy V1](#) là trực tiếp tư vấn vé cho khách. Từ thời điểm [Thúy V1](#) bắt đầu làm việc đến khi nghỉ việc, đương sự không tư vấn các trường hợp xuất “vé đối phó”. Tương tự như trường hợp “Trâm Anh” Khi [Thúy V1](#) bắt đầu làm việc, [Trần Phương N](#) đổi tên tài khoản zalo của một nhân viên khác đã nghỉ việc trước đó (hiện không nhớ rõ là ai) thành “Vyvy” để bàn giao cho [Thúy V1](#) sử dụng vì vậy những tin nhắn của tài khoản nhân viên cũ hiện nay đều hiện thông tin hiển thị của tài khoản “Vyvy”. Vì vậy qua trích xuất dữ liệu, tài khoản zalo “Vyvy” hiển thị việc tư vấn cho 04 khách xuất “vé đối phó” là [Phạm Xuân H20](#), [Hoàng Thị Y1](#), [Lang Thị P6](#), [Nguyễn Thị Diễm](#) . Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của đương sự, tin nhắn trong nhóm zalo và bảng lương công ty có căn cứ xác định [Thúy V1](#) không tư vấn cho 04 khách nói trên.

11. [Huỳnh Ngọc T14](#) (sinh ngày 05/9/1997, HKTT: [A P, Phường C, quận B, TP Hồ Chí Minh](#)) làm việc tại [Công ty P8](#) từ tháng 04/2024 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên Phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của [T14](#) là trực tiếp tư vấn vé cho khách từ tháng 06/2024 (thời gian từ tháng 04/2024 đến tháng 05/2024, [T14](#) tập sự nên chưa trực tiếp tư vấn vé). Từ thời điểm [Thùy](#) bắt đầu làm việc đến khi nghỉ việc, đương sự không tư vấn các trường hợp xuất “vé đối phó”. Khi [T14](#) bắt đầu làm việc, [Trần Phương N](#) đổi tên tài khoản zalo của một nhân viên khác đã nghỉ việc trước đó (hiện không nhớ rõ là ai) thành “Ngọc Thùy” để bàn giao cho [T14](#) sử dụng vì vậy những tin nhắn của tài khoản nhân viên cũ hiện nay đều hiện thông tin hiển thị của tài khoản “Ngọc Thùy”. Vì vậy qua trích xuất dữ liệu, tài khoản zalo “Ngọc Thùy” hiển thị việc tư vấn cho 02 khách xuất “vé đối phó” là [Nguyễn Thị C3](#), [Nguyễn Văn G3](#). Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của đương sự, tin nhắn trong nhóm zalo và bảng lương công ty có căn cứ xác định [Ngọc T14](#) không tư vấn cho 02 khách nói trên.

12. [Bùi Lê Nguyễn M3](#) (sinh ngày 01/01/2000, HKTT: [Ấp T, xã L, C, Long An](#)) làm việc tại Công ty từ tháng 03/2024 đến tháng 08/2024 với vai trò nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng. Công việc của [M3](#) là trực tiếp tư vấn vé cho khách. Công việc của [T14](#) là trực tiếp tư vấn vé cho khách từ tháng 05/2024 (thời gian từ tháng 03/2024 đến tháng 05/2024, [M3](#) tập sự nên chưa trực tiếp tư vấn vé). Từ thời điểm [M3](#) bắt đầu làm việc đến khi nghỉ việc, đương sự không tư vấn các trường hợp xuất “vé đối phó”. Khi [M3](#) bắt đầu làm việc, [Trần Phương N](#) đổi tên tài khoản zalo của một nhân viên khác đã nghỉ việc trước đó (hiện không nhớ rõ là ai) thành “[Nguyễn M3](#)” để bàn giao cho [M3](#) sử dụng vì vậy những tin nhắn của tài khoản nhân viên cũ hiện nay đều hiện thông tin hiển thị của tài khoản “[Nguyễn M3](#)”. Vì

vậy qua trích xuất dữ liệu, tài khoản zalo “Nguyễn M3” hiển thị việc tư vấn Đi cho 04 khách xuất “vé đối phó” là Nguyễn Đình M5, Nguyễn Thạch T25, Nguyễn Minh T26, Nguyễn Lê Đức H11. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai đối tượng, tin nhắn trong nhóm zalo và bảng lương công ty có căn cứ xác định Nguyễn M3 không tư vấn cho 04 khách nói trên.

Ngoài ra, còn một số nhân viên phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng như: Nguyễn Đăng Trà M2 (sinh ngày 06/02/2002, HKTT: T, C, Gia Lai), Nguyễn Thị Huỳnh G1 (sinh ngày 09/09/2000, HKTT: Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre), Lê Thị Phương Y (sinh ngày 17/06/2003, HKTT: Ấp H,H, T, Tây Ninh) và Nguyễn Thị Mỹ U1 (sinh ngày 14/04/2002, HKTT: Ấp V, H, C, Trà Vinh); quá trình điều tra xác định, các nhân viên này không tham gia tư vấn các trường hợp xuất “vé đối phó” mà chỉ tư vấn các trường hợp khách có visa 9G và du lịch thật.

B. Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh gồm các nhân viên: Phạm Minh T5, Lâm Thái T1, Nguyễn Lê Tường V3, Lê Ngọc Phương T27, Trần Lê T, Trần Thị Thu T28, Lê Thị Hồng Á, Tạ Quang N7. Nhiệm vụ chính của phòng này là xuất vé máy bay trên cơ sở các đơn hàng của Phòng Tư vấn - chăm sóc khách hàng. Nhân viên phòng này gọi là “booker”.

1. Phạm Minh T5 làm việc tại Công ty từ tháng 01/2023 đến tháng 08/2024 với vai trò Trưởng phòng kinh doanh. Phạm Minh T5 là anh em cô cậu của Lê Thị Hồng G - vợ Trần Phương N. Quá trình làm việc tại công ty, bản thân T5 mặc dù biết rõ chủ trương của Trần Phương N về việc tổ chức cho người khác trốn đi Philippines bằng thủ đoạn xuất “vé đối phó”. Tuy nhiên, xuất phát từ động cơ vụ lợi (lợi nhuận kinh doanh của công ty), T5 vẫn tiếp nhận và thực hiện chủ trương nói trên. T5 đã trực tiếp xuất vé chiêu đi cho 18 khách sau trốn đi Philippines dưới hình thức du lịch gồm: Trần Phan Văn M6, Đinh Nguyễn Thúy V2, Nguyễn Thái H18, Nguyễn Văn T29, Lương Đức Ngọc T24, Hoàng Thanh N6, Đỗ Thế A3, Lưu Ngọc T20, Hoàng Minh K, Nguyễn Trung K1, Tô Quang Đ3, Trần Tiến D3, Hà Thị T21, Nguyễn Thị Hồng H19, Nguyễn Minh T22, Nguyễn Lê Đức H11, Lê Thị Á, Lê Đức T30.

2. Nguyễn Lê Tường V3 (sinh ngày 24/8/1997, HKTT: 16 Dương Văn A5, P, TP N, Khánh Hòa) làm việc từ tháng 06/2023 đến tháng 08/2024 với vai trò booker. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Lê Tường V3 sử dụng tài khoản zalo “Tường Vy” chỉ xuất vé cho khách có visa 9G, khách đi du lịch thật.

3. Lê Ngọc Phương T27 (sinh ngày 15/03/2002, HKTT: KP A, thị trấn T, huyện T, Long An) làm việc từ tháng 02/2024 đến tháng 08/2024, trong đó từ tháng 02/2024 đến tháng 04/2024 làm việc ở bộ phận lễ tân phòng vé. Từ đầu tháng 05/2024, do bộ phận booker thiếu người nên T27 được điều chuyển sang bộ phận booker. Trong khoảng thời gian từ tháng 05-06/2024, T27 trong quá trình học việc, tập sự, chưa tham gia xuất vé. Từ tháng 07/2024, T27 bắt đầu tham gia xuất vé máy bay và được

Trần Phương N cấp tài khoản zalo “Phương Trúc” để sử dụng. Quá trình điều tra xác định Lê Ngọc Phương T27 chỉ mới xuất vé cho khách có visa 9G, khách đi du lịch thật.

4. Lê Thị Hồng Á (sinh ngày 11/08/2005, HKTT: KP A, thị trấn T, huyện T, Long An) là em ruột của Lê Thị Hồng G. Hiện đang là sinh viên năm nhất Học viện H23. Lê Thị Hồng Á khai từ tháng 02/2024 thì đến nhà vợ chồng Trần Phương N (Địa chỉ: số D Đường số A, Khu dân cư C, Phường A, Quận G, TP Hồ Chí Minh) để ở, ôn thi đại học. Quá trình này, N có hướng dẫn Ánh một số nghiệp vụ về xuất vé máy bay để Á làm thêm ngoài giờ, kiếm thêm thu nhập trang trải việc học tập. Công việc chính của Á trong thời điểm này là checkin online cho khách. Từ tháng 07/2024, thời điểm sau khi Á thi đại học xong thì T27 bắt đầu tham gia. Từ thời điểm Á bắt đầu làm việc đến khi nghỉ việc, không xuất vé chiều đi cho các trường hợp xuất “vé đối phó”. Khi Á bắt đầu làm việc, Trần Phương N đổi tên tài khoản zalo của một nhân viên khác đã nghỉ việc trước đó (hiện không nhớ rõ là ai) thành “Hồng Ánh” để bàn giao cho Á sử dụng vì vậy những tin nhắn của tài khoản nhân viên cũ hiện nay đều hiện thông tin hiển thị của tài khoản “Hồng Ánh”. Vì vậy qua trích xuất dữ liệu, tài khoản zalo “Hồng Ánh” hiển thị việc xuất vé chiều đi cho 12 khách có chú thích xuất “vé đối phó”. Tuy nhiên, căn cứ vào bảng lương công ty và lời khai của bị cáo N, một số bị cáo khác và Á, có căn cứ xác định Á không xuất vé cho 12 khách nói trên.

5. Tạ Quang N7 (sinh ngày 15/02/1989, HKTT: số A, Ngõ D, Đường X, H, S, Hà Nội), làm việc từ tháng 07/2024 với nhiệm vụ tìm đối tác kinh doanh vé máy bay, liên hệ các trung tâm ngoại ngữ, du học để hợp tác (Trần Phương N đang hướng đến mở rộng sang lĩnh vực này). Nhất không tham gia xuất vé máy bay.

6. Trần Thị Thu T28 (sinh ngày 30/12/1994, HKTT: Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai) là em ruột của Trần Phương N, Trần Lê T. Quá trình điều tra xác định, T28 làm việc tại Phòng vé P từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2024 với nhiệm vụ là nhân viên xuất vé. T28 làm việc online ở nhà riêng tại Đồng Nai. Tuy nhiên từ tháng 11/2023, T28 đã nghỉ làm việc tại phòng vé P để tập trung chăm sóc mẹ ruột bị ốm nặng tại Đồng Nai theo sự phân công của Trần Phương N. Trong thời gian này, T28 đã giao lại tài khoản zalo của mình cho Trần Lê T sử dụng. Trần Phương N vẫn trả lương và đóng bảo hiểm cho T28 trong thời gian này.

C. Phòng Hành chính - Kế toán

Phòng này gồm Lê Thị Hồng G, Phạm Thị Thanh D, Lê Thị Hồng V4, Lương Thị H21, Quách Thanh T31.

1. Lê Thị Hồng G: Quá trình điều tra xác định Lê Thị Hồng G đứng tên chủ 03 tài khoản ngân hàng dùng để giao dịch nhận tiền vé máy bay của khách. Lê Thị Hồng G phụ trách công tác nhân sự gồm công tác tuyển dụng, chấm công, phát lương cho nhân viên. Ngoài công việc của phòng vé, Gm còn chăm 02 con nhỏ, không biết

đến hoạt động chuyên môn của phòng vé, tất cả công việc phòng vé đều do **Trần Phương N** thực hiện nên không biết đến chủ trương bán vé cho các khách đi lao động theo diện du lịch. Quá trình điều tra xác định **G** không tham gia 02 nhóm zalo “Bảo đơn-PN” và “Training-PN”.

2. **Phạm Thị Thanh D** làm việc tại Công ty từ tháng 05/2022 đến nay với vai trò kế toán. Công việc cụ thể là đối chiếu công nợ và thanh toán công nợ. **D** không biết đến hoạt động chuyên môn bán vé của phòng vé.

3. **Lê Thị Hồng V4** làm việc tại Công ty từ tháng 06/2023 đến nay với vai trò kế toán. Công việc cụ thể là báo cáo thuế, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, khai báo bảo hiểm xã hội. **V4** không biết đến hoạt động chuyên môn bán vé của phòng vé.

4. **Lương Thị H21** làm việc tại Công ty từ tháng 04/2023 đến nay với vai trò nhân viên hành chính. Công việc cụ thể là soạn thảo các hợp đồng, văn bản, lưu giữ chứng từ nội bộ. **H21** khai không biết đến hoạt động chuyên môn bán vé của phòng vé.

D. Phòng Marketing

Phòng này gồm **Nguyễn Huy H22**, **Lâm Chúc L5**, **Nguyễn Thị Ngọc B2**, **Phùng Thị Thu T32**, **Lưu Bằng A**, **Hồ Thị Ý N8**, **Nguyễn Thị Mỹ V5**. Quá trình điều tra xác định nhóm nhân viên này chỉ phụ trách việc đăng bài viết, hình ảnh, video trên các trang mạng xã hội như Facebook, **T12** để chạy quảng cáo, làm hình ảnh cho phòng vé, không tham gia vào công tác chuyên môn của phòng vé.

E. Ngoài ra, **Trần Phương N** còn tuyển 03 nhân viên là **Nguyễn Thị Tuyết M7**, **Lê Nguyễn Mai K2**, **Tôn Nữ Thanh T33** làm việc bán thời gian (ngày làm 04 tiếng) với công việc là bán thức ăn online cho một nhà hàng bán thức ăn Việt Nam tại Philippines. Các nhân viên này cũng không tham gia công tác chuyên môn của phòng vé.

* Về số tiền thu lợi bất chính:

- **Trần Phương N** thu lợi 52.211.201 đồng từ việc bán 56 vé máy bay nêu trên sau khi đã trừ đi số tiền đã trả cho **Trần Văn C**, **Nguyễn Thị M7** và tiền mua sim 4G Philipines phát cho khách.

- **Trần Văn C** thu lợi 19.600.000 đồng từ việc đưa tiễn khách tại sân bay và hưởng chênh lệch từ việc đổi tiền peso.

- **Nguyễn Thị M7** thu lợi 5.925.000 đồng từ việc đưa tiễn khách tại sân bay và hưởng chênh lệch từ việc đổi tiền peso.

* Về kết quả trưng cầu giám định đối với bị cáo **Trần Lê T**:

Theo Kết luận giám định số 127/KLGD ngày 21/01/2025 của **Trung tâm P9 (Bộ Y2)** về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của **Trần Lê T** vào thời điểm trước, trong thời gian từ tháng 01/2024 đến ngày 19/8/2024 và hiện tại, kết luận:

“* Trước thời điểm từ tháng 01/2024 đến ngày 19/8/2024:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót ổn định (F20.32).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

* Trong thời điểm từ tháng 01/2024 đến ngày 19/8/2024:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót ổn định (F20.32).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

* Thời điểm hiện tại:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót ổn định (F20.32).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 15/6/2025 của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

I. Về tội danh

Tuyên bố:

- Các bị cáo **Trần Phương N**, **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5**, **Lâm Thái T1**, **Trần Lê T**, **Trần Văn C** phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo **Nguyễn Thị M7**, **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Nguyễn Viết H5**, **Trần Ngọc Quỳnh N2**, **Phạm Thị Mỹ U** phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm b, c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự;

II. Về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Trần Phương N**: 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/8/2024).

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Phương N** 20.000.000 đồng (bằng chữ: hai mươi triệu đồng).

2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Lâm Thái T1**: 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ 07 tháng 14 ngày đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/8/2024 - 02/4/2025). Thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm 10 (mười) tháng 16 (mười sáu) ngày.

Phạt bổ sung bị cáo **Lâm Thái T1** 15.000.000 đồng (bằng chữ: mười lăm triệu đồng).

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Trần Lê T**: 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/8/2024).

4. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Trần Văn C**: 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/8/2024).

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Văn C** 10.000.000 đồng (bằng chữ: mười triệu đồng).

5. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Phan Thị Như T3**: 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Phan Thị Như T3** 10.000.000 đồng (bằng chữ: mười triệu đồng).

6. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Phạm Minh T5**: 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Thị M7**: 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ 10 ngày đã tạm giữ (từ ngày 19/8/2024 - 28/8/2024). Thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 11 (mười một) tháng 20 (hai mươi) ngày.

8. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Thị Thùy T7**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

9. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Nguyễn Viết H5**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

10. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Trần Ngọc Quỳnh N2**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

11. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt **Phạm Thị Mỹ U**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm hình sự của các bị cáo **Võ Thị Trương B1**, **Trương Thị Út T13**, **Nguyễn Thị Kim N4**; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Các bị cáo **Trần Phương N**, **Trần Lê T**, **Lâm Thái T1**, **Trần Văn C**, **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5** kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

- Các bị cáo **Nguyễn Thị M7**, **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Nguyễn Viết H5**, **Trần Ngọc Quỳnh N2**, **Phạm Thị Mỹ U** kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Nguyễn Viết H5**, **Trần Ngọc Quỳnh N2**, **Phạm Thị Mỹ U**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Phương N**, **Trần Lê T**, **Lâm Thái T1**, **Trần Văn C**, **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5**, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

- Những người bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất về hành vi, tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới của các bị cáo cũng như xem xét tính chất vụ án, vai trò của mỗi bị cáo để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình

phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật; người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Viết H5](#) đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo [Trần Phương N](#), [Trần Lê T](#), [Lâm Thái T1](#), [Trần Văn C](#), [Phan Thị Như T3](#), [Phạm Minh T5](#), [Nguyễn Thị M7](#), [Nguyễn Thị Thùy T7](#), [Nguyễn Viết H5](#), [Trần Ngọc Quỳnh N2](#) và [Phạm Thị Mỹ U](#) có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 15/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.1]. Về tội danh:

[Trần Phương N](#) là Giám đốc công ty TNHH P8, chuyên cung ứng dịch vụ du lịch. Để tạo doanh thu, Nam cấu kết với các đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch thông qua tài khoản Telegram để tổ chức cho công dân Việt Nam sang Philippines lao động bất hợp pháp dưới hình thức du lịch. Theo đó, [Trần Phương N](#) xây dựng quy trình tư vấn vé, xuất vé, thanh toán gồm 08 bước (Xác định mục đích xuất cảnh của khách - Gửi quy định nhập cảnh Philippines hiện tại - Xác định thời gian khách xuất phát - Tư vấn vé chuyên sâu - Chốt vé - Gửi cho khách các điều kiện về việc đổi vé, hủy vé - Nhắc nhở lần cuối) và chỉ đạo cho các nhân viên có kinh nghiệm lâu năm, thân tín trong Công ty gồm [Trần Lê T](#), [Trần Văn C](#), [Phan Thị Như T3](#), [Lâm Thái T1](#), [Phạm Minh T5](#), [Nguyễn Thị M7](#), [Nguyễn Thị Thùy T7](#), [Nguyễn Viết H5](#), [Trần Ngọc Quỳnh N2](#), [Phạm Thị Mỹ U](#) áp dụng đối với khách có nhu cầu sang Philippines lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch. Mặc dù biết rõ quy định của các chuyến bay du lịch được miễn thị thực tại các nước Đ, các khách muốn nhập cảnh Philippines cần phải xuất trình hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 06 tháng, có vé máy bay khứ hồi và mã đặt phòng của khách sạn nơi sẽ lưu trú, riêng đối với các trường hợp ở lại lao động hợp pháp thì khách cần phải có Visa 9G nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn làm theo sự chỉ đạo của [Trần Phương N](#) để tham gia tư vấn, xuất vé chiều đi cho khách và các “vé đối phó” (đặt vé máy bay khứ hồi trong đó hủy vé chiều về khi khách nhập cảnh), hướng dẫn thủ tục xuất cảnh trái phép, đặt phòng của “khách sạn ảo” nơi sẽ lưu trú (đặt khách sạn lưu trú tại Philippines rồi hủy sau khi khách nhập cảnh), qua đó tạo điều kiện cho các khách có nhu cầu xuất cảnh khỏi Việt Nam và nhập cảnh đến Philippines để ở lại lao động trái phép. Bằng hình thức, thủ đoạn trên, [Trần Phương N](#) cùng đồng phạm đã tổ chức cho các công dân

Việt Nam xuất cảnh sang Philippines để lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch, cụ thể: **Trần Phương N** tổ chức cho 56 khách với 24 chuyến bay; **Trần Lê T** tổ chức cho 56 khách; **Lâm Thái T1** đã giúp sức, tổ chức cho 56 khách; **Trần Văn C** đã giúp sức cho 47 khách; **Phan Thị Như T3** giúp sức cho 56 khách; **Phạm Minh T5** xuất 18 vé chiều đi (không có vé chiều về hợp pháp, hoặc có thể kèm “vé đối phó”); **Nguyễn Thị M7** hỗ trợ 09 khách xuất cảnh; **Nguyễn Thị Thùy T7** trực tiếp tư vấn cho 10 khách trong 07 chuyến bay; **Nguyễn Việt H5** trực tiếp tư vấn cho 08 khách trong 02 chuyến bay; **Trần Ngọc Quỳnh N2** trực tiếp tư vấn cho 07 khách trong 05 chuyến bay; **Phạm Thị Mỹ U** trực tiếp tư vấn cho 05 khách trong 04 chuyến bay.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo **Trần Phương N**, **Trần Lê T**, **Lâm Thái T1**, **Trần Văn C**, **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5** “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” với tình tiết định khung “Đối với 11 người trở lên” theo điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Nguyễn Thị M7**, **Nguyễn Thị Thùy T7**, **Nguyễn Việt H5**, **Trần Ngọc Quỳnh N2** và **Phạm Thị Mỹ U** “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với từ 05 người đến 10 người” theo điểm b, c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo đều đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, không những xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, xuất cảnh, nhập cảnh mà còn gây tác hại đến chính sách hợp tác lao động giữa nước ta với các nước khác, làm xấu đi thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội trên cơ sở xem xét, phân hóa vai trò đồng phạm của mỗi bị cáo để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

[2.2.1]. Đối với bị cáo **Trần Phương N**: bị cáo là người cầm đầu, chủ mưu khởi xướng việc phạm tội; là người móc nối với các đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch để từ đó xây dựng quy trình phòng vé, triển khai phương thức hoạt động, chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện các hành vi, thủ đoạn trên cơ sở phân công nhiệm vụ của mỗi nhân viên trong công ty nhằm đưa người Việt Nam sang Philippines lao động bất hợp pháp bằng hình thức du lịch. Từ tháng 01/2024 đến ngày 19/8/2024, **N** đã tổ chức cho 56 khách với 24 chuyến bay, thu lợi bất chính 52.211.201đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò chính trong vụ án và chịu mức hình phạt cao nhất là có cơ sở.

[2.2.2]. Nhóm các bị cáo thuộc phòng Kinh doanh, cộng tác viên: **Trần Lê T** và **Lâm Thái T1** đều là nhân viên phòng Kinh doanh; trong đó **T** là anh ruột của **Trần Phương N** được **N** giao riêng việc xuất và hủy “vé đối phó”, **T1** được **N** giao nhiệm vụ đặt phòng khách sạn cho khách tại Philippines. **Phạm Minh T5** là Trưởng phòng kinh doanh, triển khai sự chỉ đạo của **N** đến nhân viên công ty và trực tiếp xuất vé

chiều đi cho 18 khách mặc dù **T5** biết rõ chủ trương của **N** trong việc xuất “vé đổi phỏ”. **Trần Văn C** là anh em chú bác với **Trần Phương N**, là cộng tác viên của Công ty, được **N** giao nhiệm vụ đưa đón, hướng dẫn khách làm thủ tục tại sân bay, hướng dẫn khách cách trả lời để đổi phỏ với cơ quan Hải quan; **C** còn hỗ trợ khách kích hoạt sim 4G sử dụng tại Philippines và đổi tiền peso cho khách, thu lợi bất chính 19.600.000đ. Đây là nhóm các bị cáo được **Trần Phương N** trực tiếp chỉ đạo, triển khai phương thức, thủ đoạn, nhiệm vụ để cùng nhau thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo có vai trò ngang nhau và thấp hơn **Trần Phương N** là phù hợp.

[2.2.3]. Nhóm các bị cáo thuộc phòng Tư vấn - Chăm sóc khách hàng: **Phan Thị Như T3** là Trưởng phòng tư vấn chăm sóc khách hàng có nhiệm vụ quản lý đối với các nhân viên thuộc bộ phận này. Thảo kiểm tra tất cả các đơn do nhân viên trong tổ gửi về trước khi xuất, nếu đơn có sai sót sẽ được **T3** hướng dẫn; theo đó, **T3** đã phê duyệt 56 đơn hàng “vé đổi phỏ” cho khách có nhu cầu ở lại lao động trái phép. **Nguyễn Thị Thùy T7** là Phó Trưởng phòng tư vấn chăm sóc khách hàng, **Trần Ngọc Như Q1**, **Phạm Thị Mỹ U** là nhân viên, còn **Nguyễn Viết H5** là sinh viên làm việc bán thời gian tại bộ phận này. Các bị cáo **T7**, **H5**, **N2**, **U** đều là người chịu sự quản lý của Trưởng phòng, thực hiện công việc theo nội dung được **Phan Thị Như T3**, **Phạm Minh T5** (các Trưởng phòng) triển khai sau khi **Trần Phương N** chỉ đạo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò bị cáo **Phan Thị Như T3** tương đương với bị cáo **Phạm Minh T5**; các bị cáo **T7**, **H5**, **Như**, **U** đồng phạm giúp sức và xem xét số lượng chuyến bay, khách hàng mà mỗi bị cáo tư vấn xuất vé đổi phỏ để xem xét trách nhiệm khi lượng hình là phù hợp.

[2.2.4]. Đối với bị cáo **Nguyễn Thị M7**: mặc dù bị cáo không phải là người của Công ty do **N** quản lý nhưng bị cáo có mối quan hệ họ hàng với **Trần Văn C** (**C** là cậu ruột của **M7**); bị cáo biết được chủ trương “vé đổi phỏ” để được ở lại Philippines lao động bất hợp pháp, được **C** chỉ bày cách thức hướng dẫn các đối tượng khai báo gian dối với cơ quan Hải quan; khi **C** bận việc, bị cáo thay **C** đưa đón khách ở sân bay **Đ**, đổi tiền peso, đưa sim điện thoại cho các đối tượng. Theo đó, bị cáo đã hướng dẫn, hỗ trợ cho 09 người trốn ra nước ngoài trái phép nên phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi phạm tội của mình gây ra.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[2.3.1]. Trong vụ án này, giữa bị cáo **Trần Phương N** với các bị cáo **Trần Lê T**, **Lâm Thái T1**, **Phạm Minh T5**, **Trần Văn C** và **Phan Thị Như T3** có sự phân công nhiệm vụ, liên kết từng khâu, từng giai đoạn trong thời gian dài thực hiện hành vi phạm tội; trong đó **Trần Phương N** với chức vụ Giám đốc công ty là người chỉ huy, điều hành, chỉ đạo còn các bị cáo khác giúp sức tích cực trên cơ sở nhiệm vụ được giao trước đó để đưa đối tượng có nhu cầu ở lại Philippines lao động dưới hình thức du lịch theo quy trình 08 bước mà **N** đã chỉ đạo đến các trưởng bộ phận của phòng vé. Đồng thời, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3.2]. Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ các tình tiết vụ án, các bị cáo đều động viên những người có liên quan trình diện với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ việc; bị cáo **Trần Lê T** còn bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đang được điều trị bệnh tại **Bệnh viện T35** nên các bị cáo được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo **T** được áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét các tình tiết giảm nhẹ khác đối với từng bị cáo, cụ thể: bị cáo **Trần Phương N** và bị cáo **Trần Lê T**: gia đình có công với cách mạng (ông nội, bà nội được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba; một bác ruột là Liệt sĩ, một bác ruột là thương binh, cha ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba); các bị cáo có nhiều đóng góp cho Hội chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày **huyện C** từ năm 2012 đến 2024, được **UBND huyện C** tặng Giấy khen. Bị cáo **N** đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo **Lâm Thái T1** được tặng Giấy khen trong quá trình thực hiện dân quân thường trực tại địa phương; hiện đang uống thuốc điều trị bệnh lao tiềm ẩn và có ông nội, bà nội được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba, cha ruột là thương binh hạng 2/4, có bác ruột là liệt sĩ. Bị cáo **Phạm Minh T5**: có người nhà có công với cách mạng, có ông nội được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo **Trần Văn C** đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; việc tư vấn, hướng dẫn số lượng đối tượng trốn đi nước ngoài ít hơn bị cáo **T**. Bị cáo **Nguyễn Thị M7** đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo **Phan Thị Như T3** có hoàn cảnh khó khăn, một mình đang nuôi 02 con nhỏ, lao động chính trong gia đình. Bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T7** là gia đình có công cách mạng (ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba). Bị cáo **Nguyễn Viết H5** đang là sinh viên của **Trường Đại học Công nghệ Thành phố H**, có ông ngoại được tặng Huân chương chiến công giải phóng. Bị cáo **Trần Ngọc Quỳnh N2** có ông ngoại là Liệt sĩ, được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhất. Bị cáo **Phạm Thị Mỹ U** có nhiều thành tích trong quá trình học tập, tích cực tham hoạt động hiến máu và tình nguyện, ông cố là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ cho mỗi bị cáo khi lượng hình.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá, phân hóa vai trò tham gia cũng như nhân thân của từng bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử nhưng trong khung hình phạt liền kề đối với các bị cáo

Trần Lê T, Lâm Thái T1, Phạm Minh T5, Trần Văn C, Nguyễn Thị M7, Phan Thị Như T3, Nguyễn Thị Thùy T7, Nguyễn Viết H5, Trần Ngọc Quỳnh N2 và Phạm Thị Mỹ U là có cơ sở. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thể hiện sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đảm bảo công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2.3.3]. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo đồng thời cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể như sau: bị cáo Trần Phương N cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung với tổng số tiền 20.200.000đ; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; di ruột của bị cáo là bà Lê Thị L6 có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và có nhiều đóng góp cho xã hội được Chính phủ tặng Kỷ niệm chương, Chủ tịch tỉnh tặng Bằng khen. Bị cáo Trần Lê T cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; di ruột của bị cáo là bà Lê Thị L6 có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và có nhiều đóng góp cho xã hội được Chính phủ tặng Kỷ niệm chương, Chủ tịch tỉnh tặng Bằng khen. Bị cáo Lâm Thái T1 cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung với tổng số tiền 15.200.000đ. Bị cáo Trần Văn C cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung với tổng số tiền 10.200.000đ; cha ruột bị cáo là ông Trần Văn H3 thương binh 3/4; bị cáo tích cực trong công tác thiện nguyện được nhiều Đoàn, Hội tuyên dương, khen thưởng (Hội khuyến học thị xã Đ, Hội khuyến học xã Đ, Hội chữ thập đỏ huyện N). Bị cáo Nguyễn Thị M7 cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ; ông bà ngoại của bị cáo là người có công cách mạng, ông Nguyễn Văn P7 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, bà Nguyễn Thị L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, hạng Ba. Bị cáo Phan Thị Như T3 cung cấp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung với tổng số tiền 10.200.000đ; bị cáo tích cực trong công tác thiện nguyện được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện T khen tặng “Ghi nhận tấm lòng vàng”; cha của bị cáo ốm đau bệnh tật. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T7 tích cực tham gia hoạt động xã hội (tình nguyện viên trong đại lễ Phật Đản, chiến dịch “Mùa hè tình nguyện” của UBND xã). Bị cáo Nguyễn Viết H5 cung cấp hồ sơ bệnh án thể hiện mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị H6 đau ốm bệnh tật (u ác tuyến giáp). Bị cáo Trần Ngọc Quỳnh N2 cung cấp hồ sơ bệnh án thể hiện mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị Trúc H7 ốm đau bệnh tật; bị cáo có ông cố nội là ông Trần Văn T34 là Liệt sĩ và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; được Công ty nơi bị cáo công tác xác nhận là người có ý thức kỷ luật tốt nơi làm việc. Bị cáo Phạm Thị Mỹ U cung cấp Giấy xác nhận của Công ty T36 bị cáo luôn có ý thức kỷ luật tốt nơi công tác; bị cáo Phạm Minh T5 có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập được nhà trường đánh giá, xác nhận, bị cáo nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo trong vụ án hầu hết là sinh viên mới ra trường, hoàn cảnh khó khăn, vì cuộc sống mưu sinh mà nóng lòng tìm kiếm việc làm nên nhất thời phạm tội; đồng thời các bị cáo này chủ yếu làm công ăn lương, tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu. Do đó, trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cũng như đánh giá toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa. Việc giảm cho các bị cáo một phần hình phạt trong trường hợp cụ thể này vừa thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thật sự biết ăn năn, hối cải, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội mà nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Ngoài ra, như nhận định ở trên của bản án, hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến tình hình xuất khẩu lao động và công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo [Nguyễn Thị M7](#), [Nguyễn Thị Thùy T7](#), [Nguyễn Viết H5](#), [Trần Ngọc Quỳnh N2](#), [Phạm Thị Mỹ U](#).

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo [Trần Phương N](#), [Trần Lê T](#), [Lâm Thái T1](#), [Trần Văn C](#), [Phan Thị Như T3](#), [Phạm Minh T5](#), [Nguyễn Thị M7](#), [Nguyễn Thị Thùy T7](#), [Nguyễn Viết H5](#), [Trần Ngọc Quỳnh N2](#) và [Phạm Thị Mỹ U](#) không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Trần Phương N](#), [Trần Lê T](#), [Lâm Thái T1](#), [Trần Văn C](#), [Phan Thị Như T3](#), [Phạm Minh T5](#), [Nguyễn Thị M7](#), [Nguyễn Thị Thùy T7](#), [Nguyễn Viết H5](#), [Trần Ngọc Quỳnh N2](#) và [Phạm Thị Mỹ U](#). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 15/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo [Trần Phương N](#) 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/8/2024).

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lâm Thái T1** 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2024 đến ngày 02/4/2025.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Lê T** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/8/2024).

1.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn C** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/8/2024).

1.5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Thị Như T3** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T5** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.7. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M7** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 19/8/2024 đến ngày 28/8/2024.

1.8. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T7** 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.9. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết H5** 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.10. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Quỳnh N2** 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1. 11. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Mỹ U** 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Trần Phương N, Trần Lê T, Lâm Thái T1, Trần Văn C, Phan Thị Như T3, Phạm Minh T5, Nguyễn Thị M7, Nguyễn Thị Thùy T7, Nguyễn Viết H5, Trần Ngọc Quỳnh N2** và **Phạm Thị Mỹ U** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 - CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (quan Trại tạm giam, theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên